Văn phòng Thành ủy
15.09.2023 17:21:03 +07:00

THÀNH UỶ HẢI PHÒNG * Số 414-BC/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hải Phòng, ngày 14 tháng 9 năm 2023*

BÁO CÁO
sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới

---

Thực hiện Công văn số 1350-CV/BDVTW, ngày 10/5/2023 của Ban Dân vận Trung ương, Ban Thường vụ Thành uỷ Hải Phòng đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới *(viết tắt là Chỉ thị số 21-CT/TW)* với những nội dung sau:

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TW

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Thành phố Hải Phòng là đô thị loại I, đô thị Trung tâm cấp quốc gia; diện tích tự nhiên trên 1.527,4 km^2; có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (07 quận; 08 huyện); 217 đơn vị hành chính cấp xã (141 xã; 66 phường; 10 thị trấn); dân số trên 2 triệu người, trong đó tỷ lệ nữ chiếm khoảng 50,51% dân số.

Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng được Thành ủy Hải Phòng triển khai thực hiện trong bối cảnh có nhiều thuận lợi: Đây là giai đoạn thành phố có sự thay đổi, phát triển mạnh mẽ với nhiều dấu ấn nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) "Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" và các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ[1], 5 năm qua, kinh tế thành phố duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Thu ngân sách nhà nước năm 2022 lần đầu tiên đạt mốc trên 100.000 tỷ đồng. Chủ trương của Thành ủy "Đầu tư cho an sinh xã hội phải đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế" được tích cực triển khai thực hiện, cụ thể hóa bằng nhiều cơ chế, chính sách; ưu tiên trong phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Đến nay, đã có 100% số xã (137/137 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 45 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, 22 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; 07/08 huyện được công nhận là huyện nông thôn mới. Tập trung triển khai một số dự án cải tạo chung cư

---

[1] Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP, ngày 26/11/2019 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW. Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2021/QH15, ngày 13/11/2021 "Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng".

cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân. Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, cải cách hành chính đạt được kết quả tích cực; quốc phòng - an ninh được giữ vững. Công tác phụ nữ và bình đẳng giới được các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần, vai trò, vị thế của phụ nữ thành phố trong gia đình và xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, việc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW còn gặp một số khó khăn: Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra nhanh làm nảy sinh các thách thức về lao động, việc làm, nhà ở; ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, trật tự, an toàn xã hội; sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Dịch bệnh Covid-19 có những thời điểm diễn biến phức tạp, kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống, việc làm của một bộ phận dân cư, trong đó có phụ nữ. Điều kiện sống của một bộ phận phụ nữ khu vực nông thôn, nữ công nhân lao động còn nhiều khó khăn. Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, trong đó có các tầng lớp phụ nữ thành phố tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chất lượng các dịch vụ còn có những hạn chế so với yêu cầu thực tế.

II. KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW

Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Thông tri số 22-TT/TU, ngày 12/4/2018 về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư *(gọi tắt là Thông tri số 22-TT/TU)* và tổ chức Hội nghị cán bộ thành phố quán triệt với các nội dung cụ thể, trong đó chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, 100% các quận uỷ, huyện uỷ, đảng ủy trực thuộc ban hành các văn bản triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới, nhất là vào dịp Tháng hành động vì bình đẳng giới hàng năm[2]; thường xuyên củng cố kiện toàn, phát huy vai trò hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp, thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về công tác phụ nữ.

1.2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị 21-CT/TW

Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố thường xuyên tuyên truyền về công tác phụ nữ và bình đẳng giới trên trang thông tin điện tử của Hội, trên Fanpage "Hoa

---

[2] Trong 05 năm qua, toàn thành phố đã tổ chức gần 3.000 hội nghị, tọa đàm, hội thi, hội diễn, buổi tuyên truyền; phát hành hàng trăm nghìn bản tin, tờ rơi, tờ gấp; treo gần 2.000 băng zôn, khẩu hiệu, panô, áp phích; đăng tải hơn 1.000 tin, bài, ảnh tuyên truyền về bình đẳng giới, công tác phụ nữ trên hệ thống thông tin-truyền thông thành phố.

biển", bản tin "Phụ nữ và Tiến bộ". Duy trì tốt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật, hỗ trợ hôn nhân và gia đình; xây dựng được 554 mô hình tổ tư vấn hôn nhân gia đình phòng chống xâm hại trẻ em. Tỷ lệ cán bộ, hội viên phụ nữ được tuyên truyền chính sách, pháp luật về bình đẳng giới đạt 90%.

Qua 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, Thông tri số 22-TT/TU, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của phụ nữ, về công tác phụ nữ và bình đẳng giới từng bước được nâng lên.

1.3. Công tác kiểm tra, đánh giá; sơ kết; phát hiện, biểu dương, khen thưởng nhân rộng điển hình

Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về các giai cấp, tầng lớp, trong đó có Chỉ thị số 21-CT/TW được các cấp ủy, tổ chức đảng đưa vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm.

Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo tổ chức 2 đợt sơ kết: Năm 2019, tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị, ban hành Báo cáo số 346-BC/TU, ngày 10/9/2019, trong đó bổ khuyết 05 giải pháp thực hiện nhiệm vụ về công tác cán bộ nữ. Năm 2023, ban hành Kế hoạch số 265-KH/TU, ngày 15/6/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy và chỉ đạo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW từ cấp cơ sở đến cấp thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ tại các sở, địa phương trên địa bàn thành phố. Tặng bằng khen cho 19 tập thể, 20 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng năm.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Chỉ thị số 21-CT/TW

2.1. Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện

2.1.1. Kết quả triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản pháp luật liên quan; công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong thực hiện luật pháp, chính sách liên quan tới phụ nữ, bình đẳng giới, gia đình và trẻ em

Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ tham gia đóng góp ý kiến, giám sát các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương, đơn vị; nhất là đối với các chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn, ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật, phòng chống bạo lực gia đình.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác bình đẳng giới, như: Quyết định số 704/QĐ-UBND, ngày 02/4/2019 điều chỉnh, bổ

sung một số nội dung của Chương trình hành động vì bình đẳng giới thành phố giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 131/KH-UBND, ngày 31/5/2021 về bình đẳng giới thành phố giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 53/KH-UBND, ngày 09/3/2023 và triển khai thực hiện Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030"; Kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới và chỉ đạo tổ chức Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới hằng năm với nhiều hoạt động đem lại hiệu quả thiết thực[3]. Thực hiện nghiêm việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Hôn nhân gia đình[4]; Chương trình hành động về bình đẳng giới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020, giai đoạn 2021 - 2025, trong đó đã đề ra các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể[5]; Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025". Chỉ đạo các sở, ngành liên quan định kỳ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp; chú trọng các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ[6].

2.1.2. Kết quả xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ

Ban Thường vụ Thành ủy có chủ trương để Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách an sinh xã hội liên quan đến đối tượng thụ hưởng là phụ nữ và trẻ em. Tiêu biểu là: Chính sách hỗ trợ 100% học phí cho học sinh các cấp; nâng mức trợ giúp xã hội cho các đối tượng chính sách gấp 1,4 lần quy định của Chính phủ; cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng; cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng; một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo cho người trong độ tuổi lao động, trong đó ưu tiên đào tạo cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc hộ gia

---

[3] Truyền thông trực tiếp cộng đồng, tổ chức các hội nghị, tọa đàm, cuộc thi về bình đẳng giới, phát hành ấn phẩm sách, tài liệu xuất bản, sổ tay, tờ gấp, tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình từ thành phố đến cơ sở.

[4] Năm 2018, UBND thành phố tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020. Năm 2022, tổ chức đánh giá 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới (Báo cáo số 177/BC-UBND, ngày 01/7/2022); tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 (báo cáo số 68/BC-SLĐTBXH ngày 24/4/2020).

[5] về tỷ lệ lao động nữ được giải quyết việc làm; tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp/hợp tác xã; tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo; tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương; tỷ lệ lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp.

[6] Hằng năm, Sở Lao động, Thương binh - xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra một số doanh nghiệp về việc thực hiện pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội và bình đẳng giới. Đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới và vi phạm pháp luật lao động đối với 13 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền phạt là 139 triệu đồng.

đình bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động nữ bị mất việc làm.

Tỷ lệ người nghèo, trong đó có phụ nữ được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục được nâng lên. Công tác giải quyết chế độ, chính sách, trợ cấp thường xuyên cho phụ nữ cao tuổi, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ nghèo đạt 100%.

2.1.3. Khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển thành phố Hải Phòng (*Quyết định số 196/QĐ-CT, ngày 29/01/2016 của Chủ tịch UBND thành phố*) với số vốn điều lệ là hơn 30 tỷ đồng, đây là nguồn Quỹ dành riêng cho phụ nữ; nhằm hỗ trợ các hộ gia đình được tiếp cận nguồn vốn phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Các cấp Hội phụ nữ triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025; thành lập và quản lý 44 mô hình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, cùng với Hội Nữ doanh nhân thành phố tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho hội viên phụ nữ về khởi sự kinh doanh, năng lực quản lý, hỗ trợ và tiếp cận các chính sách, tham gia các Hội nghị, Hội thảo về phát triển doanh nghiệp. Đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho 908 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ sản xuất kinh doanh.

Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố chủ trì thực hiện nhiều đề án, dự án: Đề án 404 về hỗ trợ phát triển nhóm trẻ độc lập, tư thục khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020; dự án 3 thuộc đề án 279 "Phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững đến năm 2020", "Đào tạo cán bộ hội phụ nữ cơ sở chủ chốt, đáp ứng yêu cầu chuẩn hoá cán bộ", "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn", "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025". Phối hợp triển khai thực hiện nhiều dự án hỗ trợ vay vốn cho phụ nữ nghèo, thực hiện bình đẳng giới và hôn nhân gia đình, chăm sóc sức khỏe phụ nữ[7].

---

[7] Thí điểm mô hình câu lạc bộ về Bình đẳng giới và hôn nhân gia đình tại xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên với kinh phí là 166.720.000 đồng do tổ chức UNHCR tài trợ nhằm giảm thiểu hệ lụy tình trạng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài. Thí điểm mô hình tăng cường tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và HIV cho các nhân viên nữ làm việc tại nhà hàng khách sạn và cơ sở giải trí tại Đồ Sơn do tổ chức UNFPA tài trợ với kinh phí 29.540,05 USD. Dự án Hỗ trợ nữ phạm nhân có HIV tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế và tái hoà nhập xã hội ở Việt Nam do tổ chức NAV tài trợ với kinh phí 96.000 USD. Dự án đào tạo và hỗ trợ vay vốn cho phụ nữ nghèo làm nghề trồng hoa nhằm tạo việc làm tăng thu nhập góp phần duy trì và phát triển làng hoa do Hiệp hội Marie Schlei tài trợ với số kinh phí là 8.475 USD. Dự án "Tăng cường tiếng nói của phụ nữ nhằm chấm dứt quấy rối tình dục" giai đoạn 2017-2021 do tổ chức CARE (Bỉ) tài trợ với số kinh phí 32.720 USD. Dự án "Tăng cường tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cho nhóm trẻ em gái và nữ công nhân di trú" do Quỹ Comic Relief tài trợ với kinh phí là 115.671 USD. Dự án "Cải thiện và nâng cao tỷ lệ cấp cứu sống bà mẹ và trẻ em tại bệnh viện đa khoa huyện Tiên Lãng" với số kinh phí là 276.683 USD. Dự án Thúc đẩy quyền xã hội toàn cầu cho lao động di cư nữ và phát triển hệ thống y tế tại huyện Vĩnh Bảo do AAI tài trợ với kinh phí 115.605 USD. Dự án "Cải thiện tình trạng sức khoẻ và dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em cho các nữ công nhân tại thành phố Hải Phòng" do tổ chức Save the Children tài trợ với kinh phí 249.738 USD. Dự án Việt Hàn chung tay chăm sóc cho phụ nữ di trú kết hôn Việt Nam và con của gia đình Việt Hàn giai đoạn 2020-2022 với kinh phí 811.473 USD. Dự án "Chương trình Hỗ trợ phát triển thành phố Hải Phòng" do tổ chức ActionAid International tại Việt Nam tài trợ năm 2021

2.1.4. Tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, tiếp cận với khoa học, công nghệ; đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước

Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp; đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nữ cán bộ, công chức, viên chức tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Trong tổng số 370 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố giai đoạn 2007 - 2022, có 93 nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cán bộ nữ làm chủ nhiệm (= 25,13%). Năm 2021, thành phố đã tặng Giải thưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm, Giải thưởng thành phố về khoa học và công nghệ cho 05 nhóm tác giả, trong số đó có 05 tác giả là nữ.

Công tác đào tạo nghề cho lao động phụ nữ được thành phố quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đa dạng hoá phương thức đào tạo[8]. Hiện nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo của thành phố đạt 75%, trong đó qua đào tạo nghề là 53%; tỷ lệ nữ từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo trên tổng số lao động nữ là 25,3%. Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo chuyên môn kỹ thuật trên tổng số người được đào tạo chuyên môn kỹ thuật là 38,02%.

2.1.5. Đổi mới, kiện toàn bộ máy thực hiện nhiệm vụ bình đẳng giới, gia đình và trẻ em bảo đảm liên thông, tinh gọn, hiệu quả

Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tổ chức cán bộ, trong đó ưu tiên nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới và trẻ em. Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới và trẻ em toàn thành phố là 572 người, trong đó: Cấp thành phố là 109 người[9]; cấp huyện 29 người[10]; cấp xã 434 người[11].

Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố gồm 26 thành viên là lãnh đạo của

---

với kinh phí là 58.000 USD.

[8] Đào tạo chính quy, dạy nghề thường xuyên; liên kết, phối hợp tổ chức dạy nghề cho lao động nữ tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ hợp tác; khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo, dạy nghề cho công nhân.

[9] 01 Phó Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội; 04 công chức Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 104 người ở các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ xã hội.

[10] 26 công chức thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội của 13/15 quận, huyện (*mỗi quận, huyện bố trí 01 Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên phụ trách, theo dõi công tác bình đẳng giới và trẻ em; 02 công chức Phòng Nội vụ - Lao động- Thương binh và Xã hội huyện Cát Hải và 01 công chức Phòng Văn xã của huyện Bạch Long Vỹ*). 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và trẻ em đều kiêm nhiệm.

[11] Gồm 01 lãnh đạo Uỷ ban nhân dân phụ trách và 01 cán bộ làm công tác lao động, người có công và xã hội, cán bộ văn hoá, xã hội hoặc cán bộ Hội phụ nữ đảm nhận.

các sở, ngành đã phối hợp hiệu quả trong việc tham mưu, đề xuất giải quyết những vấn đề liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ, công tác cán bộ nữ trên địa bàn thành phố. Đảm bảo 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, cán bộ làm công tác pháp chế và đội ngũ cộng tác viên vì sự tiến bộ của phụ nữ được tập huấn kiến thức, kỹ năng hoạt động bình đẳng giới. Quan tâm triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông trong cộng đồng về bình đẳng giới nhằm ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

2.1.6. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác phụ nữ và bình đẳng giới

Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố, kiện toàn kịp thời tổ chức bộ máy Hội Phụ nữ các cấp ngày càng vững mạnh; đội ngũ cán bộ được chuẩn hoá. Phân công đồng chí cấp uỷ viên có đủ trình độ, năng lực, uy tín trực tiếp phụ trách công tác hội và phong trào phụ nữ. Định kỳ hằng quý, năm, Thường trực cấp uỷ tổ chức giao ban với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp để nghe kết quả hoạt động và kịp thời chỉ đạo giải quyết các kiến nghị đề xuất.

Ủy ban nhân dân các cấp đã ký kết và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp. Bảo đảm điều kiện về kinh phí, phương tiện làm việc để Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp hoạt động. Tạo điều kiện để cán bộ Hội được tham gia các ban chỉ đạo, hội đồng: ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; ban chỉ đạo dân số kế hoạch hóa gia đình; ban chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội, giảm nghèo; ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng, hội đồng nghĩa vụ quân sự, hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ tư vấn của cơ quan, ban ngành cùng cấp...

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả chương trình phối hợp giữa Hội Liên hiên hiệp Phụ nữ với Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân các cấp; kịp thời xử lý những vụ việc xâm hại phụ nữ, trẻ em. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố và các quận, huyện cử lãnh đạo Hội tham gia hội thẩm nhân dân; tham dự 178 phiên toà, thực hiện giám sát hoạt động tư pháp. Tiếp nhận 305 đơn thư, phối hợp xử lý 278 vụ việc; góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho phụ nữ, trẻ em[12].

2.2. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới

---

[12] Bảo vệ an toàn cho phụ nữ bị chồng bạo hành (*Kiến Thuy, An Lão, Hải An, Ngô Quyền*); phối hợp xử lý, bảo vệ trẻ bị xâm hại tình dục (*Hồng Bàng, Hải An, Thuỷ Nguyên*), chuyển đơn, liên hệ với thẩm phán đề nghị giải quyết ly hôn bảo đảm quyền chính đáng của phụ nữ trong việc nuôi con, phân chia tài sản (*Hải An, Lê Chân, Thuỷ Nguyên),* giải quyết tranh chấp dân sự khác về đất đai *(Tiên Lãng, Thuỷ Nguyên, Lê Chân...)*

2.2.1. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng đội ngũ nữ lãnh đạo quản lý, nữ trí thức, nữ cán bộ khoa học, nữ doanh nhân

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ[13]. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện, môi trường để cán bộ nữ được thử thách, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý[14]. Tiếp tục thực hiện "Đề án bồi dưỡng cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ" do Chính phủ phê duyệt[15] nhằm nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở[16].

Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 tăng so với nhiệm kỳ 2010-2015 và đạt yêu cầu của Chỉ thị số 35- CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp[17]. Tổ chức được 08 lớp tập huấn cho 825 nữ ứng cử viên lần đầu tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI đạt 14/67 (= 20,9%); cấp huyện: 120/496 (= 24,19%); cấp xã: 1682/5183 (= 32,45%). Từ 2018 đến nay, có 4.355 phụ nữ ưu tú được giới thiệu, trong đó 3.152 phụ nữ đã được kết nạp Đảng.

2.2.2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em

Các cấp ủy, chính quyền, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp quan tâm tuyên truyền, giáo dục về gia đình. Triển khai đăng ký thực hiện chuẩn mực xây dựng gia

---

[13] Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp tổ chức trên 23 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho gần 4.000 lượt nữ tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các nhiệm kỳ 2016-2021, 2021-2026 với các nội dung về hệ thống chính trị; phụ nữ trong chính trị Việt Nam; vai trò, quyền và cơ hội tham gia cơ quan dân cử của phụ nữ; vận động bầu cử và một số kỹ năng hỗ trợ vận động bầu cử; kỹ năng xây dựng Chương trình hành động, trình bày Chương trình hành động và kỹ năng trả lời câu hỏi của cử tri tại Hội nghị tiếp xúc cử tri; kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân…

[14] 10 đồng chí (trong đó cao cấp lý luận chính trị: 02 đồng chí; trung cấp: 06 đồng chí, sau đại học: 02 đồng chí).

[15] Đề án "Bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức Hội các cấp và chi hội trưởng giai đoạn 2019 - 2025" (*Đề án 1893*). Đã có 104 cán bộ Hội chủ chốt, cán bộ nguồn cấp cơ sở được học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội; tổ chức 36 lớp cập nhật kiến thức hàng năm cho cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp; 14 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 1.750 chi/tổ trưởng phụ nữ

[16] Đề án "Bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức Hội các cấp và chi hội trưởng giai đoạn 2019 - 2025" (*Đề án 1893*). Đã có 104 cán bộ Hội chủ chốt, cán bộ nguồn cấp cơ sở được học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội; tổ chức 36 lớp cập nhật kiến thức hàng năm cho cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp; 14 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 1.750 chi/tổ trưởng phụ nữ

[17] Cấp cơ sở: Nữ Ban chấp hành: 947/3.118 đạt 30,37% (tăng 5,94%). Nữ Ban Thường vụ: 164/976 đạt 16,8%. (tăng 4%). Nữ Bí thư: 25/217 = 11,52%. Nữ Phó Bí thư: 57/397 = 14,36%; Cấp huyện: nữ Ban chấp hành: 120/519 đạt 23,12% (tăng 1,82%), nữ Ban Thường vụ: 30/154 đạt 19,48% (tăng 6,38%). Nữ Bí thư: 05/15 = 33,33%. Nữ Phó Bí thư: 02/28 = 7,14%; Cấp thành phố: nữ Ban chấp hành: 8/53 đạt 15,1% (tăng 6,17%), Nữ Ban Thường vụ: 1/15 đạt 6,67%.

đình văn hóa đến các gia đình cán bộ, hội viên và Nhân dân[18]. Thực hiện 1.257 công trình, phần việc để giúp thêm 2.331 hộ đạt các tiêu chí "Gia đình 5 không, 3 sạch". Duy trì 286 mô hình "Chi, tổ phụ nữ tiết kiệm, tương trợ, nuôi dạy con tốt"; 74 nhóm "Cha mẹ nuôi dạy con tốt"; "317 tổ tư vấn hôn nhân gia đình - phòng chống xâm hại trẻ em".

Triển khai và phát huy hiệu quả các đề án hỗ trợ phụ nữ, gồm:

(1) Đề án "Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong giải quyết một số vấn đề xã hội": Đã duy trì 317 mô hình "Tổ tư vấn hôn nhân gia đình - phòng chống xâm hại trẻ em".

(2) Đề án 404 "Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020" gắn với Đề án 1677 phát triển mầm non giai đoạn 2021 - 2025: Đã hỗ trợ 100 nhóm trẻ tư thục, góp phần chăm lo cho con của nữ công nhân đang làm việc tại khu công nghiệp, khu chế xuất để nữ công nhân yên tâm lao động sản xuất.

(3) Đề án "Nâng cao chất lượng công tác bình đẳng giới và sự phát triển của phụ nữ thành phố": Đã tổ chức được 14 cuộc tọa đàm, 14 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông về công tác bình đẳng giới và sự phát triển của phụ nữ cho trên 1.000 người; từng bước nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về bình đẳng giới.

Mạng lưới y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình của thành phố ngày càng được củng cố, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động. Sở Y tế đã tổ chức nhiều chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hoá gia đình. Triển khai nhiều hoạt động thuộc Chiến lược Dân số - sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2011 - 2020[19]. Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức các hoạt động tập huấn, tuyên truyền nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các hộ gia đình có con từ 0-16 tuổi; kiến thức về sức khoẻ sinh sản nhằm góp phần giảm tỷ lệ nạo phá thai ngoài ý muốn ở trẻ em gái vị thành niên và hạn chế trẻ em dưới 16 tuổi bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. Hỗ trợ thành lập mới các mô hình, tổ tư vấn hôn nhân, gia đình - phòng chống xâm hại trẻ em. Vận động phụ nữ tham gia mua bảo hiểm y tế. Tích cực hỗ trợ phụ nữ nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, hướng tới xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

---

[18] "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Gia đình 5 không, 3 sạch".

[19] Các cấp, ngành, tổ chức đã phối hợp tổ chức các lớp tập huấn miễn phí hướng dẫn "Làm mẹ an toàn" cho các bà mẹ có thai theo từng giai đoạn của kỳ thai; vận động 100% phụ nữ có thai đến các cơ sở y tế khám và tiêm vắc xin phòng bệnh; tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con đạt 91%; tỷ lệ phụ nữ mang thai được tư vấn, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, được khám thai 3 lần trở lên và tiêm phòng uốn ván là 99,9%.

2.2.3. Đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ và trẻ em gái

Công tác đấu tranh phòng, chống hành vi mua bán phụ nữ, trẻ em; tố giác hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại trẻ em được tập trung thực hiện đã góp phần ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em.

Ban chỉ đạo số 799 của thành phố đã ban hành kế hoạch về triển khai thực hiện công tác phòng, chống mua bán người[20]. Thực hiện hiệu quả các Đề án trong chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai các hoạt động tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người, trong đó, chú trọng nội dung buôn bán phụ nữ và trẻ em gái. Từ năm 2018 đến quý I năm 2023, tổng số nạn nhân là nữ của các vụ mua bán người được phát hiện, xử lý là 10 nạn nhân, trong đó có 04 nạn nhân dưới 16 tuổi. 100% nạn nhân được hỗ trợ theo quy định.

2.3. Công tác cán bộ nữ

Ban Thường vụ Thành ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ nữ. Khi xây dựng quy hoạch lần đầu cho nhiệm kỳ kế tiếp chỉ thực hiện từ 1,0-1,3 lần so với số lượng theo quy định; số dư còn lại (0,2) dành ưu tiên lựa chọn cán bộ trẻ, cán bộ nữ có năng lực nổi trội để đưa vào quy hoạch ở các kỳ rà soát, bổ sung.

Cán bộ nữ diện Thành uỷ quản lý hiện nay có 82/398 đồng chí (= 20,6%). Trong đó: khối Đảng, Đoàn thể có 12/61 đồng chí (= 19,7%); khối sở, ban, ngành thành phố và tương đương có 19/97 đồng chí (= 19,6%); khối quận, huyện ủy có 39/189 đồng chí (= 20,6%); khối đảng bộ trực thuộc có 08/51 đồng chí (= 15,7%).

Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố có 08/52 đồng chí (= 15,4%); tham gia Ban Thường vụ Thành ủy có 01/15 đồng chí (= 6,7%); tham gia Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có 14/67 đồng chí (= 20,9%).

Có 40/74 cấp ủy, cơ quan, đơn vị có cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý là cán bộ nữ với tổng số 52 đồng chí, trong đó: 07 cấp trưởng, 27 cấp phó sở, ban, ngành; 06 bí thư, 08 phó bí thư quận, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc (*01 phó bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; 02 phó bí thư kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân quận, huyện*); 04 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026:

- Hội đồng nhân dân cấp thành phố: 14/67 = 20,9%;

---

[20] Kế hoạch số 67/KH-BCĐ799 ngày 19/3/2021 về triển khai thực hiện công tác phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố, với mục tiêu: Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân; huy động nguồn lực toàn thành phố, sự ủng hộ, hỗ trợ của nhà nước, tổ chức quốc tế và các tổ chức có liên quan.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện: 120/496 = 24,2%;

- Hội đồng nhân dân cấp xã: 1684/5187 = 32,5%;

Tỷ lệ cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ: cấp thành phố: 11/20 = 55%; cấp huyện: 14/15 = 93,3%; cấp xã: 112/217 = 51,6%.

Tỷ lệ cán bộ nữ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp được tăng lên rõ rệt, qua thực tiễn công tác đã thể hiện được năng lực trong điều hành, quản lý, xây dựng và tập hợp quần chúng; làm nòng cốt trong các phong trào ở đơn vị, địa phương; phát huy và khẳng định vai trò của giới nữ trong các cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

2.4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp

Cấp ủy các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phụ nữ các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy Hội Phụ nữ các cấp ngày càng vững mạnh.

Hằng năm, Ban Thường vụ cấp ủy phê duyệt chương trình giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp. Theo đó, 05 năm qua, các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ đã chủ trì giám sát 20 cuộc, phối hợp tham gia giám sát 949 cuộc[21]; nhiều kiến nghị sau giám sát của các cấp Hội đã được các đơn vị được giám sát nghiêm túc tiếp thu, thực hiện[22]. Một số đồng chí Bí thư quận ủy, huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đã thực hiện đối thoại với các tầng lớp phụ nữ trên địa bàn, tiếp thu ý kiến góp ý và chỉ đạo giải quyết các kiến nghị hợp pháp, chính đáng của phụ nữ.

Chỉ đạo các cấp Hội phụ nữ thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở; đẩy mạnh hoạt động phối hợp với các ban. Nhân rộng các mô hình tập hợp hội viên mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của hội viên phụ nữ[23].

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

---

[21] Giám sát Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND; việc thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012; Quyết định số 22 /2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013; Nghị quyết số 25 của HĐND thành phố về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn; Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg; phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, cho hộ nghèo và hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ gia đình cận nghèo; về vệ sinh môi trường; việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Phó chủ tịch Hội LHPN cấp xã; công tác tặng quà các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; các nhóm trẻ độc lập tư thục; việc bình xét hộ nghèo, cận nghèo...

[22] UBND quận Ngô Quyền, Hồng Bàng, Lê Chân…đã rà soát, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc cho Phó Chủ tịch Hội LHPN xã/phường; UBND thành phố đã có văn bản chỉ đạo Sở Tài nguyên & Môi trường chủ trì họp tháo gỡ vướng mắc trong quá trình vận hành lò đốt rác Bamboo (xã Quang Trung, huyện An Lão).

[23] Các câu lạc bộ (CLB): Dân vũ, yoga, thể dục dưỡng sinh; CLB Nữ sinh, Đội xung kích truyền thông thay đổi hành vi; CLB Nữ doanh nhân; CLB Liên thế hệ; CLB phụ nữ khu vực nhà trọ; CLB phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế...

05 năm qua, Thành ủy Hải Phòng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới" với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm cao và tạo được những chuyển biến và kết quả tích cực. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền được ban hành kịp thời, đồng bộ. Công tác tuyên truyền, quán triệt được thực hiện hiệu quả đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về vai trò, vị trí của phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng được Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo triển khai nghiêm túc từ thành phố đến cơ sở, kịp thời bổ khuyết các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác phụ nữ, cán bộ nữ, bình đẳng giới. Các chính sách đối với phụ nữ và bình đẳng giới được thực hiện hiệu quả. Phụ nữ Hải Phòng đã ngày càng khẳng định vai trò, vị trí quan trọng trong gia đình và xã hội. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố có sự đổi mới rõ rệt về nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện có hiệu quả vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ thành phố.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

** Hạn chế*

Ở một số địa phương, đơn vị công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới chưa được quan tâm đúng mức; định kiến về giới vẫn còn tồn tại trong một bộ phận Nhân dân.

Việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới đạt hiệu quả chưa đồng đều giữa các địa phương, đơn vị. Một số doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với công nhân nữ. Đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập, sinh hoạt của một bộ phận nữ công nhân, nhất là công nhân nhập cư còn gặp khó khăn.

Nội dung và phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ ở một số nơi nhất là cơ sở còn chậm đổi mới. Chất lượng sinh ở một số chi hội cơ sở còn mang tính hình thức, ít đem lại hiệu quả thiết thực.

** Nguyên nhân của hạn chế*

Còn một số ít cấp uỷ, chính quyền chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên về công tác phụ nữ. Vai trò và hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ở một số địa phương chưa hiệu quả. Bộ máy, biên chế để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới chủ yếu là kiêm nhiệm; kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép bình đẳng giới của một số cán bộ còn hạn chế.

4. Một số kinh nghiệm

Thứ nhất, Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của các cấp uỷ đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn

xã hội đối với công tác phụ nữ, tạo sức mạnh tổng hợp và sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện.

Thứ hai, Gắn tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW với tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (Khoá X) về "Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" và các văn bản liên quan. Đưa chỉ tiêu bình đẳng giới vào các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đơn vị.

Thứ ba, Thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới và làm tốt công tác phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ. Phát huy tính chủ động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác phụ nữ.

Thứ tư, Quan tâm, chăm lo xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ Hội phụ nữ các cấp; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ nữ; chú trọng công tác phát triên đảng viên nữ; tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ được phát huy tiềm năng, trí tuệ, có cơ hội tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ năm, Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát; sơ, tổng kết, đánh giá, bổ khuyết, rút kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW để tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ thành phố và công tác phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố.

Phần thứ hai
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TW

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian tới, việc thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các cơ chế đặc thù cho thành phố đã được nêu tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc hội sẽ tạo động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, trong đó có các tầng lớp phụ nữ thành phố. Phụ nữ Hải Phòng ngày càng có điều kiện, cơ hội để nâng cao trình độ mọi mặt; xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố.

Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi, cơ hội, thành phố cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức do các tác động của tình hình an ninh - chính trị, kinh tế, ô nhiễm môi trường và dịch bệnh của thế giới, khu vực. Thành phố tiếp tục

phải đối mặt với những thách thức do thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao. Những vấn đề tiếp tục đặt ra đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn tới bao gồm cơ hội việc làm; tiếp cận các nguồn lực kinh tế; tiếp cận công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin; tiếp cận dịch vụ công cộng, dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em và phòng chống bạo lực, xâm hại, định kiến về giới.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Các cấp ủy đảng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, toàn diện đối với công tác phụ nữ trong tình hình mới

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và các văn bản triển khai của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác bình đẳng giới, công tác phụ nữ trong tình hình mới, trong đó có Chỉ thị số 21-CT/TW.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thành phố. Quan tâm mở rộng các hình thức thông tin, truyền thông về bình đẳng giới phù hợp với đặc thù từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư. Nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên, tuyên truyền viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, toàn diện của cấp ủy đảng đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm bảo đảm cho các cấp Hội tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo quy định. Đảm nhiệm một số nhiệm vụ trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị. Tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với các tầng lớp phụ nữ; giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra trong công tác phụ nữ và tổ chức hội ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tiếp tục quan tâm công tác cán bộ nữ; tạo nguồn cán bộ nữ trẻ; bổ sung, hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác phụ nữ và bình đẳng giới

Tiếp tục cụ thể hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Đưa các mục tiêu bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và từng giai đoạn. Lồng ghép triển khai các nội dung, hoạt động về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong các Chương trình mục tiêu

quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bạo lực, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh và hôn nhân có yếu tố nước ngoài không lành mạnh. Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Thực hiện tốt các chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống văn hoá, tinh thần cho lao động nữ làm việc tại các khu, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác dân số, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, bảo vệ chăm sóc bà mẹ, trẻ em và xây dựng gia đình "Ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc". Nghiên cứu đưa nội dung giáo dục về Luật Bình đẳng giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống các cơ sở giáo dục, đào tạo thành phố.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Vì tiến bộ của phụ nữ các cấp. Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí theo quy định để Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Ban "Vì sự tiến bộ phụ nữ" hoạt động có hiệu quả.

Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới; huy động sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên môn của các cá nhân, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực bình đẳng giới và thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ.

3. Xây dựng, củng cố tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp vững mạnh, phát huy hiệu quả vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ

Các cấp Hội phụ nữ tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; phát huy vai trò nòng cốt trong công tác Hội và phong trào phụ nữ. Nắm chắc tình hình, tham mưu, đề xuất với cấp uỷ đảng, chính quyền kịp thời giải quyết, chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ phát huy cao nhất khả năng đóng góp của mình cho xã hội.

Coi trọng việc xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp phát động, gắn với phòng trào thi đua " Dân vận khéo".

Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức giám sát, phản biện xã hội theo hướng: Chủ động, từ sớm, từ cơ sở, dân chủ, khách quan có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng giám sát những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, nhất là hội viên phụ nữ. Theo dõi, giám sát chặt chẽ kết quả cấp ủy đảng, chính quyền chỉ đạo giải quyết các kiến nghị, đề xuất của hội viên và Nhân dân trong và sau giám sát, phản biện xã hội và đối thoại.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Đảng đoàn Quốc hội

- Chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội xem xét, đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đối với các Luật có liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới để Quốc hội xem xét, cho ý kiến và thông qua.

- Chỉ đạo các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Đẩy mạnh các hoạt động thẩm tra, giám sát lồng ghép giới trong xây dựng các luật, pháp lệnh.

2. Đối với Ban cán sự đảng Chính phủ

- Xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ các nhóm phụ nữ yếu thế như: lao động nữ chưa qua đào tạo, lao động nữ mang thai và nuôi con nhỏ, lao động nữ từ 40 tuổi trở lên, lao động nữ khuyết tật; giải quyết triệt để vấn đề bất bình đẳng giới về cơ hội việc làm.

- Ban hành và triển khai các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đặc biệt là trong những ngành, lĩnh vực khoa học công nghệ mới có khả năng phát triển trong tương lai nhưng đang mất cân bằng về giới; có cơ chế để thu hút, sử dụng, bồi dưỡng, đào tạo nữ trí thức, nhân lực khoa học công nghệ là nữ, trẻ tuổi.

3. Đối với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

- Chỉ đạo thực hiện giám sát và hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, nhất là tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương.

- Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và công tác phụ nữ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG

Đỗ Mạnh Hiến

Nơi nhận:
- Ban Dân vận Trung ương (để báo cáo),
- ĐĐ Hội LHPNVN
- Các ban của Thành ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội TP,
- Các đ/c Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 414-BC/TU, ngày 14/9/2023 của Ban Thường vụ Thành uỷ)

Phụ lục 1: Các văn bản chủ yếu triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
A. VĂN BẢN CỦA THÀNH ỦY (07)		
1.	Thông tri số 22-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương về "tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới"	12/4/2018
2.	Thông tri số 36-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng	28/6/2019
3.	Thông tri số 41-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về lãnh đạo Đại hội phụ nữ các cấp thành phố nhiệm kỳ 2021-2026	09/10/2020
4.	Kết luận số 09-KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường cán bộ trẻ giữ chức vụ lãnh đạo cấp huyện, cấp xã; sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong Đảng bộ thành phố Hải Phòng, nhiệm kỳ 2020-2025.	04/3/2021
5.	Công văn số 852-CV/BTCTU của Ban Tổ chức Thành ủy về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhiệm kỳ 2020-2025 và 2021-2026	20/8/2021
6.	Quy định số 438-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành uỷ về khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Thành ủy quản lý	26/11/2021
7.	Quyết định số 473-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	08/12/2021
B. VĂN BẢN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (HĐND) THÀNH PHỐ (30)		
1.	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND của HĐND thành phố về cơ chế chính sách cho giáo viên và học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế	12/7/2018
2.	Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND của HĐND thành phố về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng	12/7/2018
3.	Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND của HĐND thành phố về cơ chế, chính sách	10/12/2018

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
	hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	
4.	Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND của HĐND thành phố về việc quy định mức chi đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng	10/12/2018
5.	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND thành phố thông qua Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, 2025 và năm 2030.	10/12/2018
6.	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND của HĐND thành phố về xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người chữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu	05/12/2018
7.	Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế	19/7/2019
8.	Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau, quả trên địa bàn thành phố hải phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	19/7/2019
9.	Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố về Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban MTTQ cấp xã và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	19/7/2019
10.	Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định mức hỗ trợ kinh phí thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố Hải phòng	19/7/2019
11.	Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025.	09/12/2019
12.	Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố hải phòng giai đoạn 2020-2025	09/12/2019
13.	Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của HĐND thành phố về Quyết định chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	09/12/2019

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
14.	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND của HĐND thành phố về việc thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2020 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	09/12/2019
15.	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND của HĐND thành phố về Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (giai đoạn 1)	09/12/2019
16.	Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố hải phòng	22/7/2020
17.	Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định một số mức hỗ trợ thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố	12/8/2021
18.	Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định hỗ trợ thực hiện tháo dỡ các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	12/8/2021
19.	Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025.	10/12/2021
20.	Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố về nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố	10/12/2021
21.	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND của của HĐND thành phố về Đề án xây dựng nhà ở xã hội kết hợp giải quyết nhà ở cho các hộ dân sinh sống tại các chung cư cũ trên địa bàn thành phố.	12/4/2022
22.	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND của của HĐND thành phố thông qua chương trình xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021-2025	12/4/2022
23.	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng	20/7/2022
24.	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND của của HĐND thành phố về quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát	20/7/2022

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
	nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	
25.	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, đảng, đoàn thể do thành phố quản lý	20/7/2022
26.	Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố về việc sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Điều 1 Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019 về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025	20/7/2022
27.	Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố về Phát triển thanh niên thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2030	20/7/2022
28.	Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng	09/12/2022
29.	Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND của HĐND thành phố chính sách hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm xã hội cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố	09/12/2022
30.	Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý	18/4/2023
C. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) THÀNH PHỐ (52)		
1.	Kế hoạch số 50/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện công tác bình đẳng giới năm 2018	21/2/2018
2.	Chương trình Số 877/CTr-BVSTBPN về Chương trình công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hải Phòng năm 2018	21/02/2018
3.	Quyết định số 617/QĐ-UBND của UBND thành phố ban hành kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của	26/3/2018

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
	Chính phủ về công tác dân số trong tình hình mới	
4.	Kế hoạch số 225/KH-UBND của UBND thành phố về Tổ chức Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2018	15/10/2018
5.	Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	02/01/2019
6.	Kế hoạch số 56/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện công tác Bình đẳng giới năm 2019	26/02/2019
7.	Chương trình số 1267/CTr-BVSTBPN về Chương trình công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hải Phòng năm 2019	13/3/2019
8.	Quyết định số 704/QĐ-UBND của UBND thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chương trình hành động vì bình đẳng giới thành phố giai đoạn 2016-2020	02/4/2019
9.	Kế hoạch số 259/KH-UBND của UBND thành phố về tổ chức Tháng hành động Vì Bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2019	21/10/2019
10.	Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng	31/12/2019
11.	Quyết định số 3376/QĐ-UBND của UBND thành phố ban hành Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025.	31/12/2019
12.	Kế hoạch số 72/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện công tác Bình đẳng giới năm 2020	11/3/2020
13.	Chương trình số 2159/CTr-BVSTBPN về Chương trình công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hải Phòng năm 2020	26/3/2020
14.	Kế hoạch số 173/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 thành phố Hải Phòng	01/7/2020
15.	Kế hoạch số 205-KH/UBND của UBND thành phố về thực hiện chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 của thành phố Hải Phòng.	13/8/2020

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
16.	Kế hoạch số 208/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 thành phố Hải Phòng.	17/8/2020
17.	Quyết định số 3286/QĐ-UBND của UBND thành phố về Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.	27/10/2020
18.	Kế hoạch số 25/KH-UBND của UBND thành phố về triển khai nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố năm 2021	03/2/2021
19.	Chương trình số 01/CTr-BVSTBPN về Chương trình công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hải Phòng năm 2021	12/3/2021
20.	Kế hoạch số 70/KH-UBND của UBND thành phố thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 thành phố Hải Phòng	19/3/2021
21.	Kế hoạch số 71/KH-UBND của UBND thành phố thực hiện Chương trình mở rộng, tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 thành phố Hải Phòng	19/3/2021
22.	Kế hoạch số 88/KH-UBND của UBND thành phố thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030	05/4/2021
23.	Quyết định số 1142/QĐ-UBND của UBND thành phố về Kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố.	20/4/2021
24.	Kế hoạch số 117/KH-UBND của UBND thành phố về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025	17/5/2021
25.	Kế hoạch số 131/KH-UBND của UBND thành phố về Hành động về bình đẳng giới thành phố giai đoạn 2021- 2025	31/5/2021
26.	Kế hoạch số 173/KH-UBND của UBND thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	20/7/2021
27.	Quyết định số 2178/QĐ-BVSTBPN của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố	06/8/2021
28.	Kế hoạch số 191/KH-UBND của UBND thành phố về triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy	13/8/2021

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
	mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025	
29.	Công văn số 7875/UBND-VX về hướng dẫn thu thập số liệu báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025	18/10/2021
30.	Quyết định số 3600/QĐ-UBND của UBND thành phố về Chương trình phát triển thanh niên thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030.	13/12/2021
31.	Quyết định số 284-QĐ/UBND của UBND thành phố về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	24/01/2022
32.	Kế hoạch số 36/KH-UBND của UBND thành phố thực hiện chủ đề năm 2022 của thành phố về "Đẩy mạnh chỉnh trang, hiện đại hóa đô thị - xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu – thực hiện chuyển đổi số"	18/02/2022
33.	Quyết định số 645/QĐ-UBND của UBND thành phố về kiện toàn thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố	28/02/2022
34.	Chỉ thị số 04-CT/UBND của UBND thành phố về phát triển tổ chức khuyến học ở các cộng đồng dân cư, trong cơ quan, đơn vị doanh nghiệp, lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố.	24/02/2022
35.	Kế hoạch số 53-KH/UBND của UBND thành phố về triển khai Quyết định số 2282/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030.	09/3/2022
36.	Kế hoạch số 59/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới trên địa bàn thành phố đến năm 2030	14/3/2022
37.	Kế hoạch số 70/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện công tác bình đẳng giới năm 2022	22/3/2022
38.	Kế hoạch số 99/KH-UBND của UBND thành phố về Thực hiện "Chiến lược phát triển gia đình Việt nam đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	13/4/2022
39.	Kế hoạch số 100/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện Quyết định	13/4/2022

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
	số 2074/QĐ-TTg ngày 10/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2030	
40.	Kế hoạch số 101/KH-UBND của UBND thành phố về triển khai thực hiện Chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	13/4/2022
41.	Chương trình số 02/CTr-BVSTBPN về Chương trình công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hải Phòng năm 2022	14/4/2022
42.	Kế hoạch số 103-KH/UBND về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	14/4/2022
43.	Quyết định số 1848-QĐ/UBND của UBND thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.	23/6/2022
44.	Báo cáo số 177/BC-UBND của UBND thành phố đánh giá 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới	01/7/2022
45.	Quyết định số 2455/QĐ-UBND của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2022.	28/7/2022
46.	Kế hoạch số 46/KH-UBND của UBND thành phố thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2022 - 2025 tại thành phố Hải Phòng.	16/9/2022
47.	Kế hoạch số 223/KH-UBND của UBND thành phố thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	16/9//2022
48.	Chương trình số 36/CTr-BVSTBPN về Chương trình công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ thành phố Hải Phòng năm 2023	10/4/2023
49.	Kế hoạch số 117/KH-UBND của UBND thành phố về thực hiện công tác Bình đẳng giới năm 2023	13/4/2023
50.	Quyết định số 1087/QĐ-UBND của UBND thành phố về phê duyệt số lượng mức hỗ trợ, dự toán kinh phí hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở phát sinh sau ngày	25/4/2023

Stt	Tên văn bản	Ngày ban hành
	31/5/2017 trên địa bàn thành phố theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ, Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố	
51.	Quyết định số 41/QĐ-BCĐCTMTQG&PTBV của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phát triển bền vững về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phát triển bền vững thành phố Hải Phòng	04/5/2023
52.	Kế hoạch số 53/KH-UBND của UBND thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030"	09/3/2022

Ghi chú: Tổng số 89 văn bản.

Phụ lục 2: Thống kê tình hình cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp quận, huyện, cấp thành phố

---

1. Cấp quận, huyện

Năm	Cán bộ nữ tham gia cấp ủy [1]				Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân [1]			Cán bộ nữ Ủy ban nhân dân [1]			Số huyện đạt tỷ lệ cán bộ nữ theo NQ 11 [2]		
	Ban Chấp hành [3]	Ban TV [4]	*Bí thư*	*Phó Bí thư*	Tổng số [5]	*Chủ tịch*	*Phó Chủ tịch*	*Chủ tịch Uỷ ban nhân dân*	*Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân*	Lãnh đạo các phòng trực thuộc[6]	*CB nữ tham gia cấp ủy đạt từ 25% trở lên*	*Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân từ 35% đến 40%*	Có lãnh đạo chủ chốt là nữ[7]
2018	105/540	27/165	1	3	120/501	3	4	0	7	168/557	3/15	0/15	6/15
	19.40%	16.40%			24.00%					30.20%	20%	0	40%
2019	104/536	25/163	2	2	120/498	4	4	0	4	173/555	5/15	0/15	7/15
	19.40%	15.30%			24.10%					31.20%	33.33%	0.00	46.67%
2020	119/539	31/161	3	4	121/472	4	4	1	3	170/551	4/15	2/15	6/15
	22.10%	19.30%			25.60%					30.90%	26.67%	13.33%	40%
2021	119/539	32/161	4	4	123/485	4	3	1	1	168/546	3/15	2/15	6/15
	22.10%	19.90%			25.40%					30.80%	20%	13.33%	40%
2022	136/517	39/168	6	7	136/466	3	3	1	5	184/533	3/15	3/15	4/15
	26.30%	23.20%			29.20%					34.50%	20%	20%	26.67%
Quý I/2023	117/528	33/160	5	5	115/464	4	2	1	2	183/547	5/15	2/15	7/15
	22.20%	20.60%			24.80%					33.50%	33.33%	13.33%	46.67%

2. Cấp thành phố

Năm	Cán bộ nữ tham gia cấp ủy				Cán bộ nữ tham gia Hội đồng nhân dân			Cán bộ nữ của Ủy ban nhân dân			Số sở, ban, ngành thuộc hệ thống chính trị thành phố có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ/tổng số sở, ban, ngành
	BCH[3]	*BTV*[4]	*Bí thư*	*Phó BT*	*Tổng số*[5]	*Chủ tịch*	*Phó CT*	*Chủ tịch UBND*	*Phó CT UBND*	*Lãnh đạo các sở, ngành trực thuộc*[1]	
2018	5/56	1/11	0	1	0	0	0	0	0	11/82	10/20
	8,9%	9,1%								13,4%	50%
2019	5/56	1/11	0	1	0	0	0	0	0	15/85	10/20
	8,9%	9,1%								17,6%	50%
2020	8/53	1/15	0	0	0	0	0	0	0	13/77	10/20
	15,1%	6,7%								16,9%	50%
2021	8/53	1/15	0	0	0	0	0	0	0	15/87	11/20
	15,1%	6,7%								17,2%	55%
2022	8/52	1/15	0	0	0	0	0	0	0	16/81	11/20
	(15,4%)	(6,7%)								(19,8%)	55%
QI/2023	8/52	1/15	0	0	0	0	0	0	0	16/81	11/20
	(15,4%)	(6,7%)								(19,8%)	55%

[1] Tổng số nữ giám đốc và phó giám đốc/tổng số giám đốc và phó giám đốc các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh (tỷ lệ %)

Phụ lục 3: Thống kê cơ cấu cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp thành phố[2]

Chức danh		Tổng số nữ/ tổng số nam và nữ (tỷ lệ)	Phân tích cơ cấu nữ											
			Dân tộc	Tôn giáo	Độ tuổi			Trình độ						
					Dưới 40	Từ 40-50	Trên 50	Chuyên môn			Lý luận chính trị			
								Đại học	*Thạc sĩ*	*Tiến sĩ*	*Trung cấp*	*Cao cấp*	*Cử nhân*
Cán bộ nữ tham gia cấp ủy, các cơ quan đảng của thành phố	Ủy viên BCH	8/52 (15,4%)	Kinh	Không	0	4	4	1	7	0	0	7	1
	Ủy viên BTV	1/15 (6,7%)	Kinh	Không	0	0	1	0	1	0	0	1	0
	Bí thư	0											
	Phó Bí thư	0											
	Trưởng các ban Đảng và tương đương	1/7 (14,3%)	Kinh	Không	0	0	1	0	1	0	0	1	0
	Phó Trưởng các ban Đảng và tương đương	4/18 (22,2%)	Kinh	Không	0	3	1	0	3	1	0	4	0
Nữ đại biểu HĐND	Chủ tịch HĐND	0											
	Phó Chủ tịch HĐND	0											
	Trưởng các ban HĐND và tương đương	0											
	Phó Trưởng các ban HĐND và tương đương	3/4 (75%)	Kinh	Không	0	2	1	1	2	0	0	3	0
Cán bộ nữ	Chủ tịch UBND	0											

[2] Số liệu tính đến hết quý I/2023

Chức danh		Tổng số nữ/ tổng số nam và nữ (tỷ lệ)	Phân tích cơ cấu nữ										
			Dân tộc	Tôn giáo	Độ tuổi			Trình độ					
					Dưới 40	Từ 40-50	Trên 50	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
								Đại học	*Thạc sĩ*	*Tiến sĩ*	*Trung cấp*	*Cao cấp*	*Cử nhân*
UBND và các sở, ngành của thành phố	Phó Chủ tịch UBND	0											
	Giám đốc sở và tương đương	4/21 (19%)	Kinh	Không	0	2	2	0	4	0	0	4	0
	Phó Giám đốc sở và tương đương	10/56 (17,8%)	Kinh	Không	1	5	4	1	8	1	0	10	0
Cán bộ nữ MTTQ và các tổ chức CT-XH của thành phố	Cấp trưởng (Chủ tịch, Bí thư)	2/6 (33,3%)	Kinh	Không	1	0	1	0	1	1	0	2	0
	Cấp phó (Phó Chủ tịch, Phó Bí thư)	7/16 (43,75%)	Kinh	Không	1	2	4	2	5	0	0	6	1

Phụ lục 4: Thống kê tình hình điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp

Năm	Chức danh		Số lượng cán bộ Hội chuyển đi cơ quan khác				Số lượng cán bộ ở cơ quan khác chuyển về Hội			
			Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các đoàn thể	Cơ quan khác	Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các đoàn thể	Cơ quan khác
2018	Cấp thành phố	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp quận, huyện	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	1	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	1	0	0	0	1	1	0	0
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		2	1	2	0	3	1	3	2
2019	Cấp thành phố	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp quận, huyện	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	3	0	2	1	2	2	2	0
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		2	3	4	0	0	1	4	0

Năm	Chức danh		Số lượng cán bộ Hội chuyển đi cơ quan khác				Số lượng cán bộ ở cơ quan khác chuyển về Hội			
			Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các đoàn thể	Cơ quan khác	Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các đoàn thể	Cơ quan khác
2020	Cấp thành phố	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp quận, huyện	Chủ tịch Hội LHPN	1	0	0	0	0	1	1	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	1	0	0	0
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		6	7	7	5	2	2	18	1
2021	Cấp thành phố	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp quận, huyện	Chủ tịch Hội LHPN	2	0	1	0	0	1	1	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	2	0	0	0	1	1	0	1
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		2	7	4	1	0	8	8	0
2022	Cấp thành phố	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0

Năm	Chức danh		Số lượng cán bộ Hội chuyển đi cơ quan khác				Số lượng cán bộ ở cơ quan khác chuyển về Hội			
			Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các đoàn thể	Cơ quan khác	Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các đoàn thể	Cơ quan khác
	Cấp quận, huyện	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	1	0	0	1	0	0	0
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		1	2	2	1	0	2	1	1
Quý I/2023	Cấp thành phố	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cấp quận, huyện	Chủ tịch Hội LHPN	0	0	0	0	0	0	0	0
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	0	0	1	0	0	0	0	0
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		1	1	1	0	1	0	0	0

Phụ lục 5: Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ nữ cấp quận, huyện, cấp thành phố

---

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng[3]

Năm	Cấp quận, huyện					Cấp thành phố					
	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Đào tạo				Bồi dưỡng nghiệp vụ	Đào tạo				
		Chuyên môn		*Lý luận chính trị*			*Chuyên môn*		*Lý luận chính trị*		
		Đại học	Sau ĐH	Trung cấp	Cao cấp		Đại học	Sau ĐH	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
2018	2980/5248	8/34	41/93	362/553	22/75	16/36	0	0	0	0	0
	56.64%	23.53%	44.09%	65.28%	29.33%	44.4%					
2019	2819/4935	15/48	32/70	192/340	37/116	8/41	0	0	0	0	0
	57.12%	44.12%	45.71%	56.47%	31.90%	19.5%					
2020	2962/5071	10/24	36/70	343/530	21/68	9/40	0	0	0	0	0
	58.41%	29.41%	51.43%	64.72%	30.88%	22.5%					
2021	3260/5630	9/31	25/46	250/357	24/72	55/215	0	0	0	0	0
	57.90%	29.03%	54.35%	70.03%	33.33%	25.6%					
2022	3559/5909	9/22	27/47	122/195	38/116	32/186	0	0	0	0	0
	60.23%	40.91%	57.45	62.56%	33%	17.2%					
Quý I/2023	1672/2949	2/14	20/31	52/89	18/31	0	0	0	0	0	0
	56.70%	14.29%	64.52%	58.43%	58.06%	0	0	0	0	0	0

[3] Tính số cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng/tổng số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng (tỷ lệ %)

2. Công tác quy hoạch[4]

Cấp hành chính	Năm	Quy hoạch cấp ủy				Quy hoạch lãnh đạo UBND, lãnh đạo các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND				Quy hoạch lãnh đạo HĐND	
		Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Cấp trưởng các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Cấp phó phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch HĐND
Cấp quận, huyện	2018	236/726	68/262	7/30	17/70	6/25	20/104	201/768	463/1124	6/25	22/76
		32.51%	25.95%	23.30%	24.29%	24.00%	19.23%	26.17%	41.19%	24.00%	28.95%
	2019	245/735	66/260	7/31	18/71	5/23	23/104	202/738	449/1126	6/24	24/78
		33.33%	25.38%	22.60%	25.35%	21.74%	22.12%	27.37%	39.88%	25.00%	30.77%
	2020	265/792	64/251	8/31	17/64	6/27	23/96	215/769	501/1170	9/34	23/76
		33.46%	25.50%	25.81%	26.56%	22.22%	23.96%	27.96%	42.82%	26.47%	30.26%
	2021	287/857	67/260	8/35	18/72	5/31	28/95	220/787	539/1235	13/32	19/58
		33.49%	25.77%	22.86%	25.00%	16.13%	29.47%	27.95%	43.64%	40.63%	32.76%
	2022	228/674	56/200	8/27	14/60	4/25	24/73	200/731	505/1127	10/26	17/40
		33.83%	28.00%	29.63%	23.33%	16%	32.88%	27.36%	44.81%	38.46%	42.50%

[4] Tính số cán bộ nữ được quy hoạch/tổng số cán bộ được quy hoạch (tỷ lệ %)

Cấp hành chính	Năm	Quy hoạch cấp ủy				Quy hoạch lãnh đạo UBND, lãnh đạo các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND				Quy hoạch lãnh đạo HĐND	
		Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Cấp trưởng các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Cấp phó phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch HĐND
Cấp thành phố	2018	18/105	1/19	0	0	0	2/14	0	0	0	1/8
		17.1%	5.3%				14.3%				12.5%
	2019	18/103	1/18	0	0	0	2/13	45/208	124/462	0	1/8
		17.5%	5.6%				15.4%	21.6%	26.8%		12.5%
	2020	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2021	0	0	0	0	0	0	17/82	65/233	0	0
								20.7%	27.9%		
	2022	30/168	4/36	0	0	0	2/7	18/83	83/245	0	3/10
		17.9%	11.1%				28.6%	21.7%	33.9%		30.0%